

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **45** /2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày **30** tháng **12** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2018; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày

09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn; Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2023;

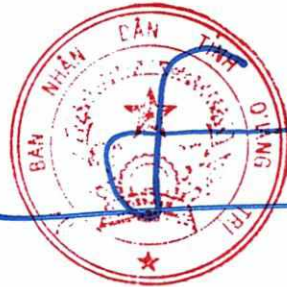
thay thế Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bí thư, các Phó Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT_H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Tiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

(Kèm theo Quyết định số: **45** /2022/QĐ-UBND ngày **30** tháng **12** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; mã số đặt tên hệ thống đường địa phương; phân cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đầu nối đường nhánh vào đường bộ; trách nhiệm quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Các nội dung khác về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ ngoài quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan quản lý đường bộ là Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Đơn vị quản lý đường bộ là nhà thầu được giao trực tiếp thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị.

3. Đường địa phương là các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 4. Phân công, phân cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Sở Giao thông vận tải tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công

tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh và một số tuyến đường đô thị được giao quản lý.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với tuyến đường trong các khu công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý và các tuyến đường huyện, đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý trừ các tuyến đường được quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường xã thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 5. Số hiệu và mã số đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị

1. Đường tỉnh:

a) Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường tỉnh thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP).

b) Mã số đường tỉnh để đặt số hiệu của hệ thống đường tỉnh, thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 34 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT).

2. Đường huyện

a) Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường huyện thực hiện theo quy định tại các Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

b) Mã số đường huyện là số tự nhiên có từ 01 (một) đến 02 (hai) chữ số; mã số quy định đặt số hiệu theo đơn vị hành chính như sau:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	Số TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
1	Thành phố Đông Hà	01 - 10	6	Huyện Hải Lăng	51 - 60
2	Thị xã Quảng Trị	11 - 20	7	Huyện Cam Lộ	61 - 70
3	Huyện Vĩnh Linh	21 - 30	8	Huyện Đakrông	71 - 80
4	Huyện Gio Linh	31 - 40	9	Huyện Hướng Hóa	81 - 90
5	Huyện Triệu Phong	41 - 50	10	Huyện Đảo Côn Cỏ	91 - 99

- Tên đường huyện đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐH. x, trong đó:

+ “ĐH” là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường huyện;

+ “x” là số thứ tự của các tuyến đường huyện thuộc huyện đó, là số tự nhiên có từ 01 (một) đến 02 (hai) chữ số như bảng trên.

+ Trường hợp đặt một số hiệu cho nhiều đường huyện trong cùng một địa phương hoặc sau khi đặt hết số hiệu mà vẫn còn tuyến tiếp theo chưa có số hiệu, thì xem xét tuyến đường đó có mối liên kết với các tuyến liền kề khác để lấy số hiệu và kèm thêm một chữ cái lần lượt từ B đến Z, trừ trường hợp đường bộ đầu tiên đặt số hiệu đó, ví dụ: ĐH.40, ĐH.40B, ĐH.40C...

3. Đường đô thị thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

4. Đối với các tuyến đường khác chưa có ký hiệu và tên đường, thực hiện theo quy định Phụ lục 7 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Chương II

SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Việc sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP); khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 117/2021/NĐ-CP); Chương III Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT).

Các công trình thiết yếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT) không thể bố trí ngoài phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ thì khi xây dựng phải đảm bảo các nguyên tắc tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp giấy phép. Trường hợp công trình thiết yếu xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý

đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận. Công trình thiết yếu không được ảnh hưởng đến công tác bảo trì, kết cấu và công năng của công trình đường bộ, đảm bảo an toàn cho giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và các công trình khác ở xung quanh.

Đối với các tuyến đường tỉnh qua khu đô thị, khu dân cư có vỉa hè thì UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và bảo trì vỉa hè; có biện pháp phòng chống, xử lý lấn chiếm hè phố, lòng đường, bảo đảm an toàn giao thông.

2. Việc khai thác tài sản hạ tầng đường bộ và khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển đường bộ được thực hiện theo quy định tại mục 4 Chương II Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 33/2019/NĐ-CP).

3. Việc vận hành khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản và thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được UBND tỉnh công bố và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. UBND cấp huyện quy định cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đối với hệ thống đường xã thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 7. Xác định phạm vi quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Phạm vi quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm lập kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện việc xác định phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ theo quy định để cắm mốc lộ giới, cụ thể:

a) Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xác định và cắm mốc lộ giới, mặt cắt ngang đường theo quy hoạch trên các tuyến đường tỉnh và một số tuyến đường đô thị được giao quản lý.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện việc xác định và cắm mốc lộ giới trên tuyến đường trong các khu công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc xác định và cắm mốc lộ giới trên các tuyến đường huyện, đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý trừ các tuyến đường được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác định và cắm mốc lộ giới trên các tuyến đường xã được giao quản lý.

e) Sau khi thực hiện hoàn thành công tác cắm mốc lộ giới, cơ quan chủ trì cắm mốc và cơ quan tiếp nhận quản lý căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 21, Điều 22,

Điều 23 Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng để triển khai công tác bàn giao mốc lộ giới và hồ sơ hoàn công mốc lộ giới trên các tuyến đường đi qua địa bàn của mỗi địa phương để quản lý theo quy định hiện hành; các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng cấp đất, cấp phép xây dựng phải tuân thủ phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định.

Điều 8. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

1. Thẩm quyền chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương đang khai thác:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường tỉnh và một số tuyến đường đô thị được giao quản lý.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên tuyến đường trong các khu công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường huyện, đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý trừ các tuyến đường được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu đối với đường địa phương theo mẫu quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

3. Thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

4. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 9. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

1. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác, cụ thể:

a) Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công các công trình thiết yếu trên các tuyến đường tỉnh, đường đô thị được giao quản lý.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp phép thi công các công trình thiết yếu trên tuyến đường trong các khu công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép thi công các công trình thiết yếu trên các tuyến đường huyện, đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý trừ các tuyến đường được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu.

a) Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của các cơ quan có thẩm quyền tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này; chủ đầu tư công trình thiết yếu hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo nội dung văn bản chấp thuận, tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế theo quy định hiện hành và gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công đến các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để được xem xét giải quyết.

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu đối với đường địa phương theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT. Thời hạn giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

c) Cơ quan cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm kiểm tra, tham gia nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu.

3. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu:

a) Kiểm tra, giám sát, chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ.

b) Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng và bảo hành chất lượng các công trình đường bộ bị ảnh hưởng do việc thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; khắc phục kịp thời các sự cố, hư hỏng hạng mục hoàn trả công trình đường bộ do lỗi thi công hoàn trả khi có thông báo của cơ quan quản lý đường bộ; chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng công tác hoàn trả hạng mục công trình đường bộ theo quy định.

c) Nộp hồ sơ hoàn công đến cơ quan cấp phép thi công làm cơ sở để nghiệm thu, xác nhận hết bảo hành hạng mục công trình đường bộ; lưu trữ, bổ sung, cập nhật vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn giao thông khi thi công

công trình thiết yếu.

2. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu:

a) Quản lý, bảo trì công trình theo quy định, đảm bảo an toàn công trình.

b) Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, các công trình xung quanh và công tác bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn khi thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu.

d) Thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép thi công khi sửa chữa định kỳ, đột xuất nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ, theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường bộ đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường bộ đang khai thác (trừ các dự án do Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ đầu tư trên các tuyến đường được giao quản lý); chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế, phương án tổ chức giao thông đảm bảo an toàn giao thông đến Sở Giao thông vận tải đối với các tuyến đường tỉnh và một số tuyến đường đô thị được giao quản lý, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đối với các tuyến đường trong các khu công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các tuyến đường huyện, đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư dự án hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên các tuyến đường bộ đang khai thác phải đề nghị Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép thi công bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình đối với đường địa phương theo mẫu quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Đối với các dự án sửa chữa, nâng cấp, cải tạo đường bộ trên các tuyến đường bộ đang khai thác do Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư trên các tuyến đường được giao quản lý không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng trước khi thi công, Ban quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hồ sơ có liên quan gồm: Quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công

bảo đảm an toàn giao thông để được xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

5. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Chương III

ĐẤU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG BỘ

Điều 12. Đấu nối đường nhánh vào đường địa phương

1. Đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh bao gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị;

b) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội;

c) Đường chuyên dùng;

d) Đường gom.

2. Đường nhánh đấu nối vào đường huyện bao gồm:

a) Đường xã, đường đô thị;

b) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội;

c) Đường chuyên dùng;

d) Đường gom.

3. Vị trí các điểm đấu nối vào đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

4. Thiết kế nút giao của đường nhánh đấu nối vào hệ thống đường địa phương phải tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

5. Chủ đầu tư dự án, công trình được giao sử dụng điểm đấu nối phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao và cấp phép thi công xây dựng nút giao theo trình tự, thủ tục hiện hành. Chỉ được thi công sau khi đã được cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công và có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định.

6. **Đấu nối tạm thời:** Chủ đầu tư có nhu cầu làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc phục vụ dự án và các công trình xây dựng thì cho phép mở điểm đấu nối tạm thời vào đường bộ có thời hạn theo quy định; Chủ đầu tư công trình đấu nối phải căn cứ vào tính chất của từng dự án để lập, gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đấu nối tạm thời vào đường bộ và cấp phép thi công. Hồ sơ đề nghị đấu nối tạm thời theo mẫu quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT. Thời hạn sử dụng điểm đấu nối tạm thời bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đấu nối tạm thời không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư công trình có trách nhiệm xóa bỏ điểm đấu nối tạm, hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu; thực hiện đấu nối theo quy định.

7. Chủ đầu tư, chủ sử dụng nút giao đấu nối phải tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không được bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 13. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào đường tỉnh.

1. Trước khi nâng cấp, cải tạo, xây dựng nút giao; chủ công trình, dự án gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào đường tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối theo mẫu quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT. Thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Các dự án đường bộ xây dựng mới có đấu nối vào đường tỉnh đã được Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế kỹ thuật, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông.

4. Nút giao đấu nối vào đường tỉnh chỉ được thi công sau khi đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, cấp giấy phép thi công theo quy định.

5. Thời hạn của văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký ban hành, nếu quá 12 tháng phải thực hiện việc gia hạn. Thời gian gia hạn chỉ thực hiện 01 lần với thời gian không quá 12 tháng.

6. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 14. Cấp phép thi công, nghiệm thu, chấp thuận đưa vào sử dụng nút giao đấu nối vào đường tỉnh

1. Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh được giao quản lý; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu; chấp thuận đưa nút giao vào khai thác, sử dụng.

2. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh của Sở Giao thông vận tải, Chủ đầu tư công trình nút giao hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo nội dung chấp thuận, tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế theo quy định hiện hành và gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công đến cơ quan quản lý đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều này để được xem xét giải quyết.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT. Thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Nút giao đầu nối phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

6. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

7. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 15. Chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông nút giao; cấp phép thi công đầu nối đường nhánh vào đường huyện, đường đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, phát triển giao thông vận tải của địa phương để xem xét chấp thuận vị trí đầu nối, chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công, đưa vào khai thác, sử dụng các nút giao đầu nối vào đường huyện, đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn giao thông tại vị trí nút giao đầu nối theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông nút giao; cấp phép thi công nút giao theo mẫu quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Chủ đầu tư, chủ sử dụng nút giao đầu nối có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 14 của Quy định này.

Chương IV

BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 16. Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP; Chương II Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

Điều 17. Xử lý vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Các trường hợp vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sẽ bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ theo quy định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn, tổ chức giải tỏa kịp thời các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông theo thẩm quyền. Các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu và bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ theo quy định hiện hành.

3. Cơ quan quản lý đường bộ thu hồi, không cấp giấy phép thi công cho công trình thiết yếu, công trình nút giao đầu nối vào đường bộ khi bị lập biên bản vi phạm nội dung giấy phép thi công 03 lần và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý; chỉ xem xét cấp lại giấy phép thi công sau khi các vi phạm được khắc phục.

Điều 18. Quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với các tuyến đường tỉnh: Nhân viên tuần đường thuộc đơn vị quản lý đường bộ khi phát hiện vi phạm phải lập biên bản, báo cáo kịp thời vụ việc cho đơn vị quản lý đường bộ. Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhân viên tuần đường phát hiện, đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan quản lý đường bộ và UBND cấp xã để lập biên bản vi phạm hành chính, xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc chấp hành xử lý của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp các vụ việc vi phạm không được xử lý theo đúng quy định, đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý đường bộ xử lý theo quy định hiện hành. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc không thực hiện xử lý các vụ việc vi phạm quy định quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thuộc thẩm quyền xử lý.

2. Đối với đường huyện, đường xã, đường đô thị: UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời vi

phạm quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường theo phân cấp quản lý.

3. Đối với các tuyến đường khác được UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền quản lý đường bộ thì đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường bộ phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã để xử lý các vi phạm theo phạm vi quản lý của địa phương.

4. Thẩm quyền và quy trình xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

Điều 19. Nhiệm vụ của nhân viên tuần đường, thời gian và chiều dài đoạn đường giao nhân viên tuần đường thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT).

Điều 20. Tuần kiểm đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT.

Điều 21. Phương tiện, thiết bị, trang phục phục vụ tuần đường và tuần kiểm đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư 04/2019/TT- BGTVT.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các chủ sở hữu khác thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến được giao quản lý trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện, công bố việc cấm

mốc ngoài thực địa.

5. Chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý khi xảy ra thiên tai, địch họa theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT); Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT (sau đây gọi tắt là Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Chỉ đạo công tác tuần đường, tuần kiểm, thanh tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

7. Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, đường đô thị do Sở quản lý theo phân cấp của UBND tỉnh.

8. Xây dựng kế hoạch vốn phục vụ công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho các địa phương theo kế hoạch quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ của các địa phương; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh, quyết định; phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

9. Cử cán bộ có liên quan tham gia hội đồng giải tỏa, cưỡng chế của địa phương khi có yêu cầu.

10. Tham mưu cho UBND tỉnh công tác khen thưởng, kỷ luật trong việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các địa phương, đơn vị.

11. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến Quy định này.

Điều 23. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

1. Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trách nhiệm quản lý theo phân cấp của UBND tỉnh.

2. Phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phạm vi đất dành cho đường bộ, quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường, công trình được giao quản lý.

3. Phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ,

chống lấn chiếm, tái lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường, công trình được giao quản lý.

4. Chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý khi xảy ra thiên tai, địch họa theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT, Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý theo đúng quy định hiện hành.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc cấp huyện quản lý; quản lý, lập quy hoạch đầu nối các tuyến đường trên địa bàn cấp huyện vào Quốc lộ, đường tỉnh trình cấp có thẩm quyền thỏa thuận và phê duyệt.

2. Bố trí ngân sách hàng năm vào đầu năm để thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo định mức quản lý và bảo dưỡng thường xuyên do UBND tỉnh ban hành.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ trong việc công bố mốc giới hành lang an toàn đường bộ và thống kê, rà soát, phân loại các công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ, tình trạng sử dụng đất để làm cơ sở cho việc quản lý và lập kế hoạch giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

5. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, tái lấn chiếm. Xây dựng quy trình, thành lập các tổ cưỡng chế và tổ chức thực hiện cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

6. Chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý khi xảy ra thiên tai, địch họa theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT, Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo đúng quy định hiện hành.

8. Tổ chức triển khai công tác quản lý bảo trì hệ thống đường bộ cấp huyện theo đúng nội dung quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác

cầu trên đường giao thông nông thôn; Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn. Thực hiện việc cấm mốc chỉ giới hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý.

9. Xây dựng kế hoạch và kinh phí giải tỏa hành lang an toàn đường bộ hàng năm trình UBND tỉnh đối với các tuyến Quốc lộ được ủy thác, đường tỉnh và đường thuộc phạm vi quản lý đi qua địa bàn; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khi được UBND tỉnh phê duyệt.

10. Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang an toàn đường bộ tại địa phương thì Chủ tịch UBND cấp huyện phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật .

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã được giao quản lý.

2. Lập dự trù kinh phí thực hiện và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp từ nguồn vốn bảo trì đường bộ và các nguồn khác để quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã.

3. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ trong việc công bố mốc giới hành lang an toàn đường bộ. Quản lý việc sử dụng đất trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện, xử lý và ngăn chặn kịp thời những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang an toàn đường bộ; buộc tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm.

4. Phối hợp với đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ.

5. Phối hợp với đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ thống kê, rà soát, phân loại các công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ, tình trạng sử dụng đất để làm cơ sở cho việc quản lý và lập kế hoạch giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

6. Chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý khi xảy ra thiên tai, địch họa theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT, Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Thực hiện việc cấm mốc chỉ giới hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang an toàn đường bộ tại địa phương thì Chủ tịch UBND cấp xã phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện công tác quản lý,

bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Chủ tịch UBND cấp xã.

9. Xây dựng kế hoạch và kinh phí giải tỏa hành lang an toàn đường bộ hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện công tác giải tỏa hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 26. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan

1. Công an tỉnh.

a. Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng trong ngành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

b. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c. Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương tham mưu cho UBND cấp huyện xây dựng và thực hiện quy trình cưỡng chế các trường hợp vi phạm lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ và xây dựng phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, xử lý vụ việc vi phạm và hỗ trợ lực lượng trong thời gian thực hiện cưỡng chế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Có trách nhiệm trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Sở Xây dựng.

Hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng đảm bảo quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; trong quá trình thẩm định hoặc thỏa thuận các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải đảm bảo về hành lang an toàn đường bộ, đường gom, đầu nối theo quy định; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc quản lý đất thuộc đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

6. Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn

chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn về thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ và xác định biên chế khi xây dựng đề án vị trí việc làm theo quy định.

7. Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí phù hợp thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và quyết toán kinh phí theo quy định.

8. Các Sở: Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị xây dựng công trình thuộc lĩnh vực của ngành đảm bảo quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Trị, Báo Quảng Trị; Đài truyền thanh ở cấp huyện, cấp xã tăng cường phổ biến, tuyên truyền quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thông tin kịp thời việc chấp hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

10. Các Sở, ban, ngành khác căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi gần nhất các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Các cơ quan đoàn thể chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan hữu quan tuyên truyền, vận động chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Khen thưởng, kỷ luật

Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được xem xét khen thưởng hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên

quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo đúng Quy định này.

3. Các trường hợp đang xử lý có liên quan trước Quy định này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị kiến nghị về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi phù hợp./.